

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 304/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13/7/2022

“V/v Ly hôn giữa chị P và anh E”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lê Thị Nguyệt Hồng.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Nguyễn Văn Tâm

2. Ông Phan Văn Duy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Thảo – thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoài Phong – kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 149/2022/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc “*ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140A/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tân Kim P, sinh năm 1981; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh T

2. Bị đơn: Trần Văn Vũ E, sinh năm 1983; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và trong suốt quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Tân Kim P trình bày: Chị và anh E tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 25/8/2005. Quá trình chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể hàn gắn được. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn

với anh E. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Tâm H1, sinh ngày: 18/10/2005 và Trần Minh Tâm H2, sinh ngày: 20/11/2004 ly hôn chị yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và trong suốt quá trình tố tụng bị đơn anh Trần Văn Vũ E trình bày: Anh thống nhất với lời trình của chị P về thời gian kết hôn. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn do anh mắc nợ nên không sống chung với vợ con để đi làm trả nợ. Nay chị P xin ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, thương con.

Đặt trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn: Về con chung: Con sống với ai thì người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên ý kiến của mình và vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Áp dụng điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị P. Về án phí: Chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Chị Tân Kim P khởi kiện yêu cầu được ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn Vũ E đã được Tòa án tổng đạt niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hai lần thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh Trần Văn Vũ E theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: chị Tân Kim P chung sống với anh Trần Văn Vũ E từ năm 2005 được Ủy ban nhân dân xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 25/8/2005 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian chung sống đến năm 2020 chị P, anh E phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn về kinh tế. Phía anh E thừa nhận việc này và hứa sẽ khắc phục. Theo chứng cứ chị P cung cấp và qua xác minh của Tòa án thì hiện nay chị P, anh E không còn chung sống với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, thời gian xảy ra mâu thuẫn giữa chị P, anh E đã lâu. Phía chị P

cũng đã cho anh E nhiều cơ hội sửa chữa lỗi lầm nhưng đến nay mâu thuẫn vẫn không thể giải quyết được. Tại phiên tòa phía anh E không đến dự phiên tòa, điều đó cho thấy anh E không có thiện chí hàn gắn và không tha thiết với cuộc hôn nhân này. Qua xem xét Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị P yêu cầu ly hôn với anh E là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Tại phiên tòa hôm nay chị P yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Thị Tâm H1, sinh ngày: 18/10/2005 và Trần Minh Tâm H2, sinh ngày: 20/11/2004. Hội đồng xét xử xét thấy, qua xác minh tại địa phương về điều kiện nuôi con thì thấy chị P, anh E đều có điều kiện kinh tế để nuôi con và nguyện vọng của hai con chung là muốn sống với mẹ. Do đó cần để chị P chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị P không yêu cầu anh E cấp dưỡng, phía anh E cũng không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị P, anh E có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu sau này chị P, anh E có tranh chấp về tài sản chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

Về án phí: chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điều 28, 35, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tân Kim P.

Chị Tân Kim P được ly hôn với anh Trần Văn Vũ E.

2/ Về con chung: Chị Tân Kim P được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Thị Tâm H1, sinh ngày: 18/10/2005 và Trần Minh Tâm H2, sinh ngày: 20/11/2004;

Anh Trần Văn Vũ E chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị P chưa có yêu cầu.

Anh Trần Văn Vũ E được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4/ Về án phí:

Chị Tân Kim P phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007721 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị P đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA.DS huyện Gò Công Đông;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Thạch, H. Châu Thành, T. Bến Tre;
- Lưu hồ sơ, AV;

LÊ THỊ NGUYỆT HỒNG

